

CTCP Chứng khoán FPT

Ngày 31/12/2025	32,950 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-0.2%	-8.7%	-

DT thuần Q4/25
47.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 2.20 4.8%
YoY: ▲ 47.4 157735%

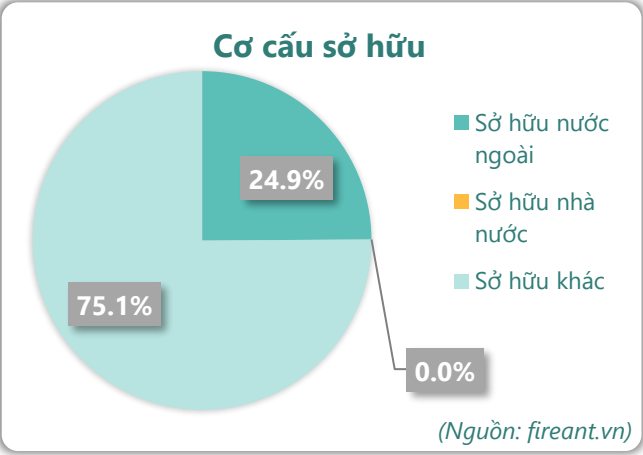
LN thuần Q4/25
17.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.10 70.4%
YoY: ▲ 2.10 14.0%

LN sau thuế Q4/25
0.00
tỷ VNĐ

Tỷ suất lãi EBIT 2025
1293%
YoY: +/-▼ 44291%

ROE 2025

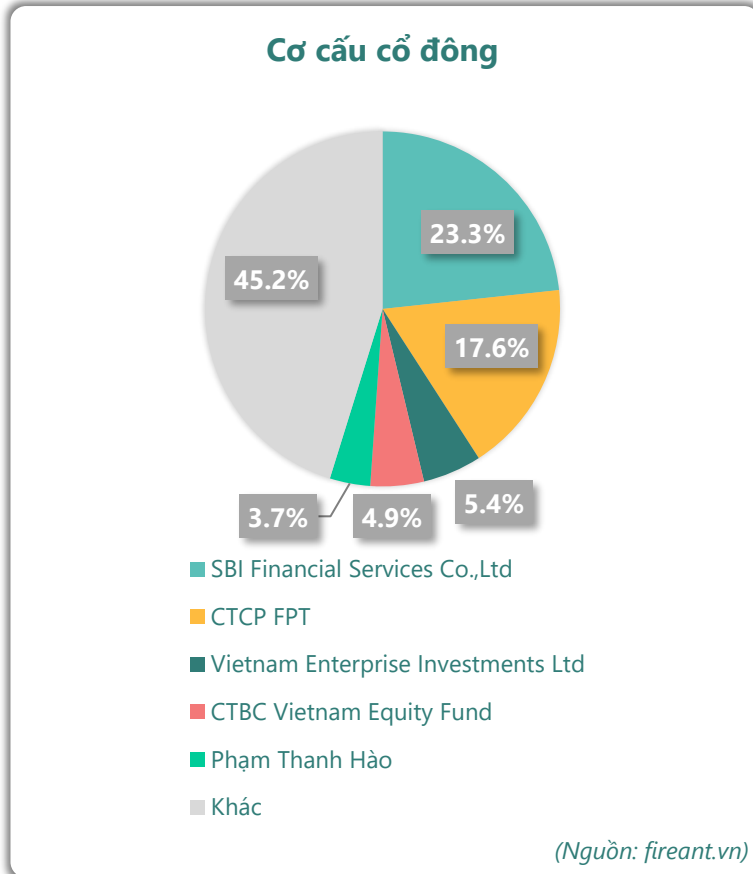
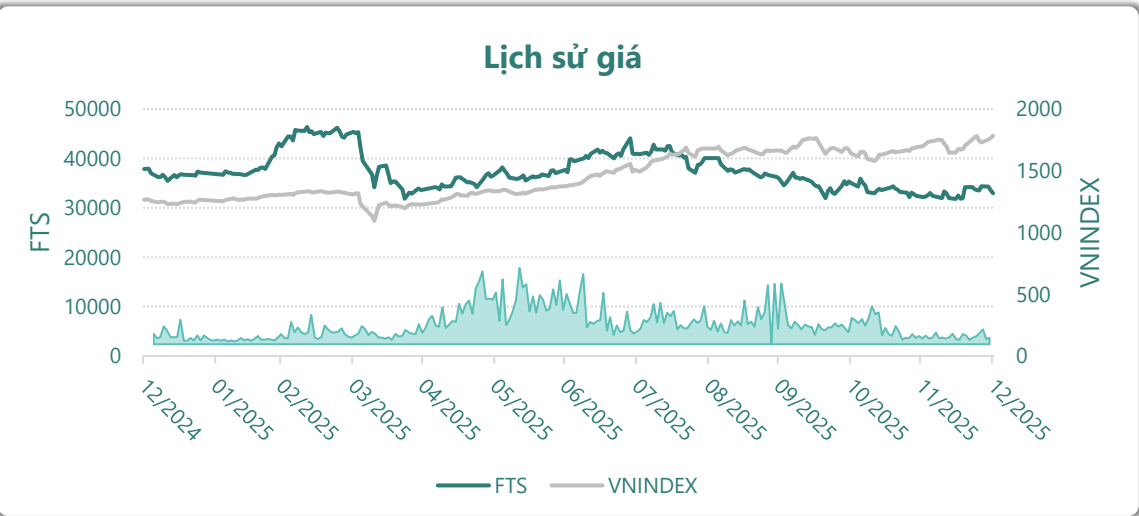
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	31,800 - 46,402
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,417
Số lượng CPLH (CP)	346,498,009
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,340,710
Sở hữu nước ngoài	24.9%
Beta	1.03
EPS	1,145
P/E	28.8



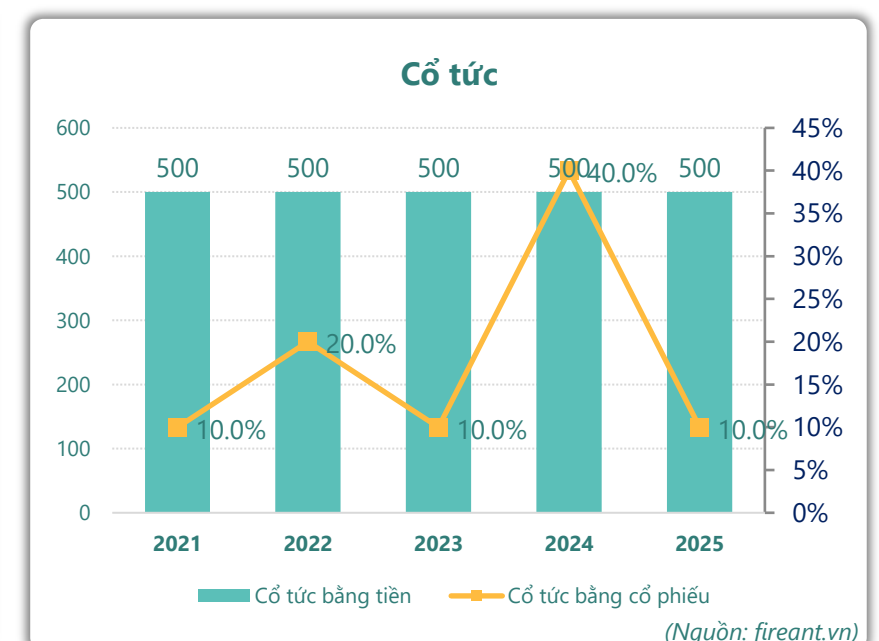
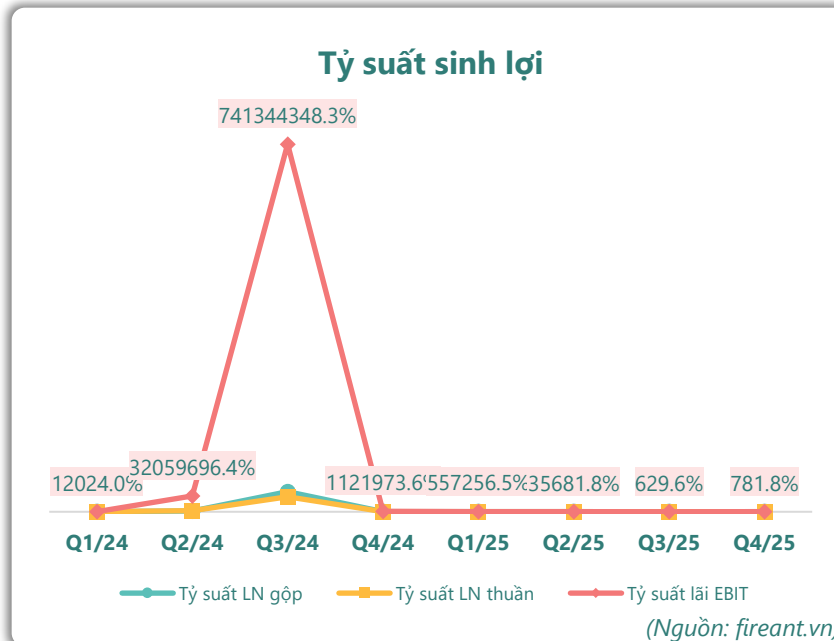
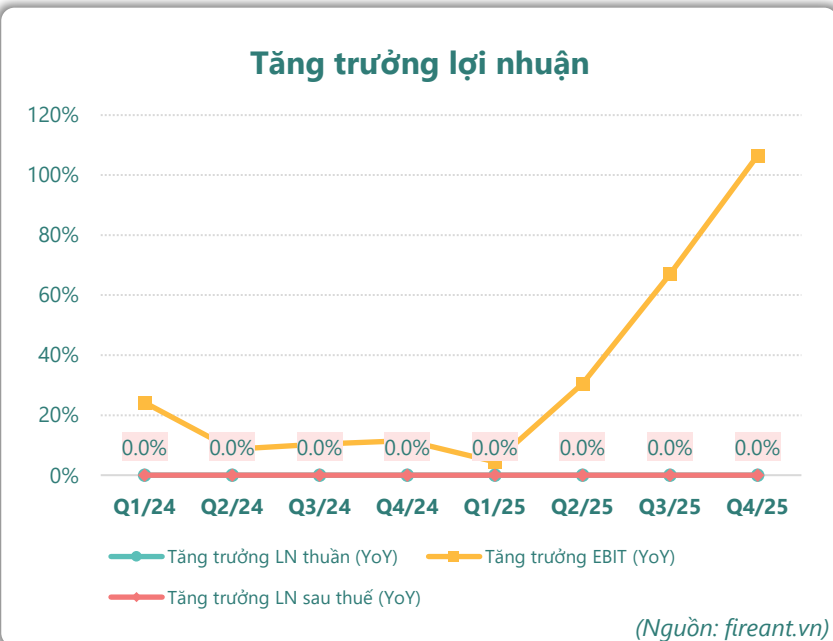
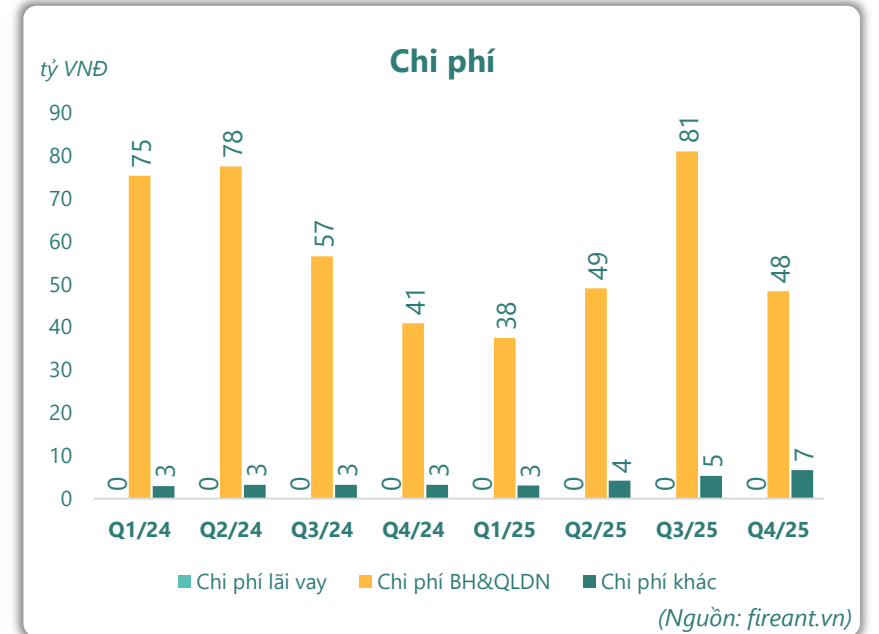
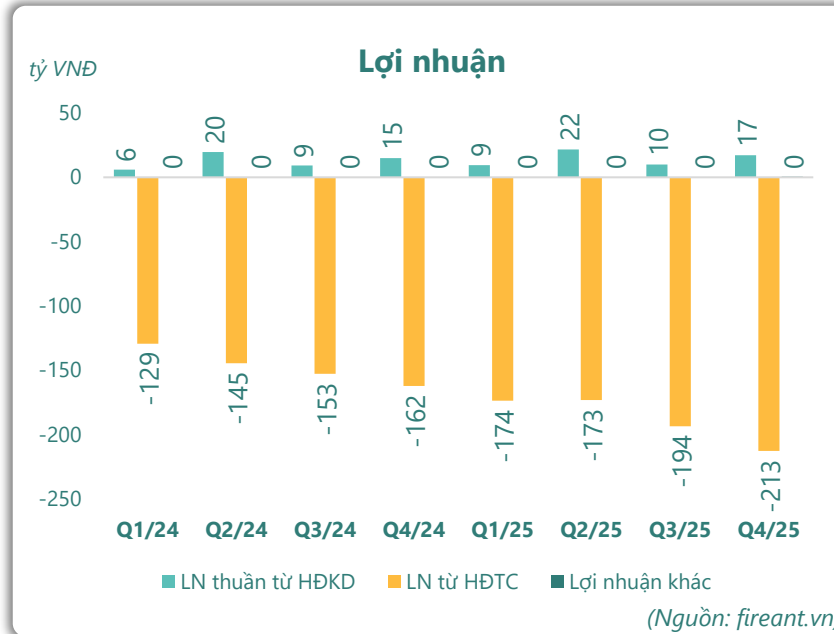
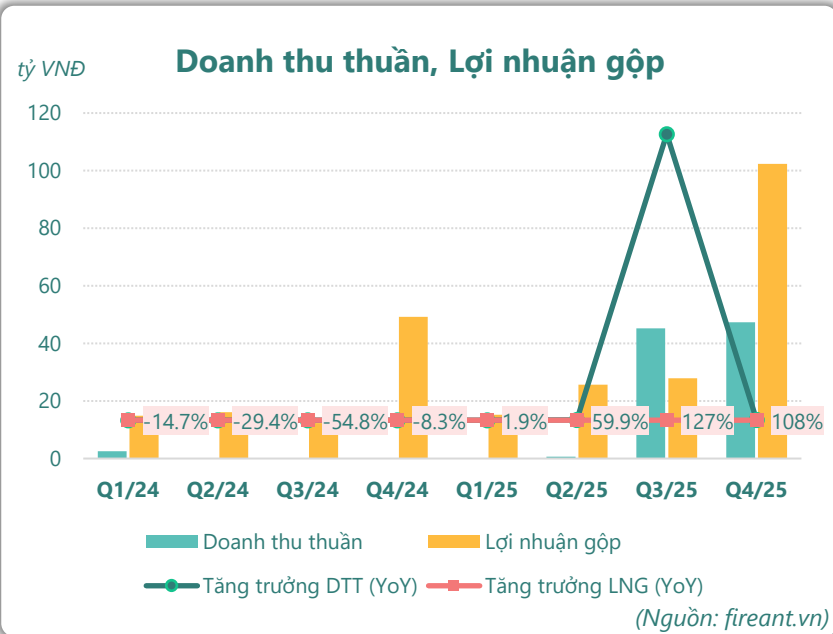
DT thuần 2025
93.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 90.7 3603%

LN thuần 2025
58.5
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.80 17.7%

LN sau thuế 2025
0.00
tỷ VNĐ



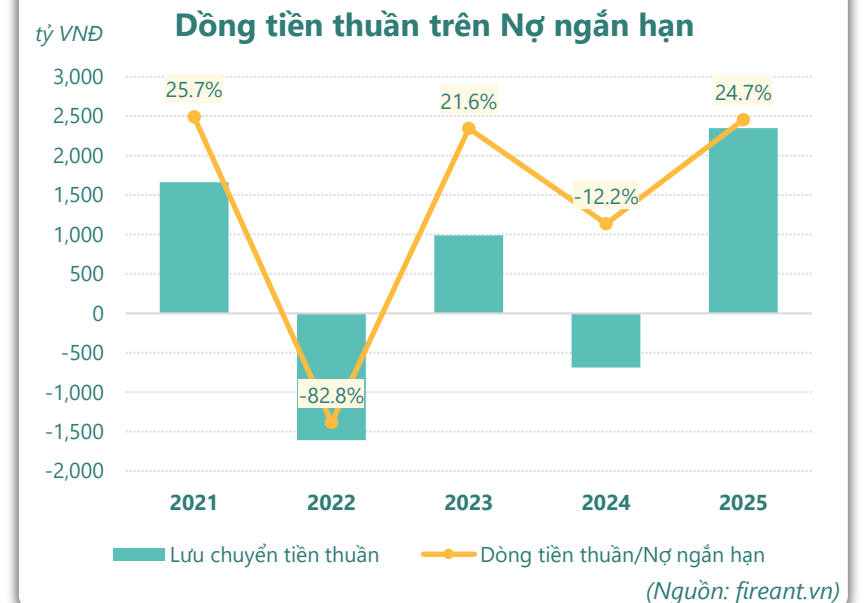
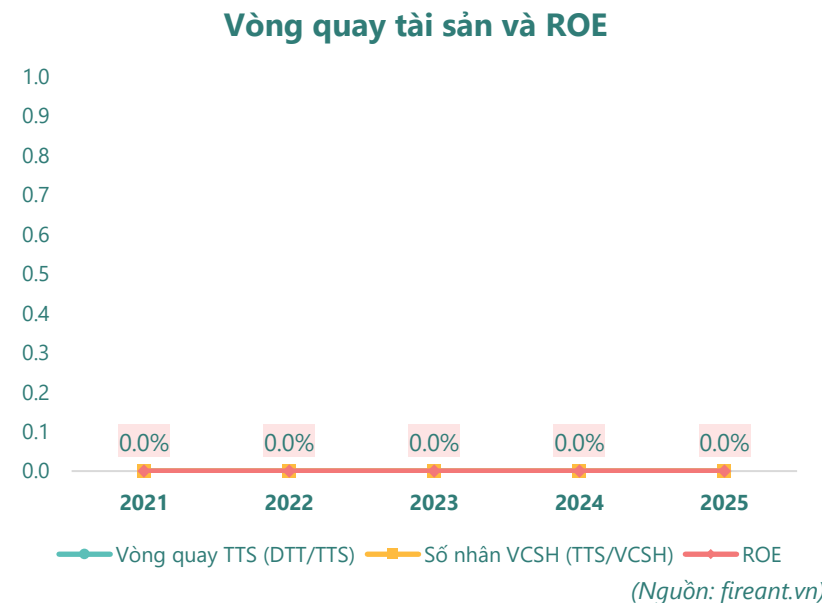
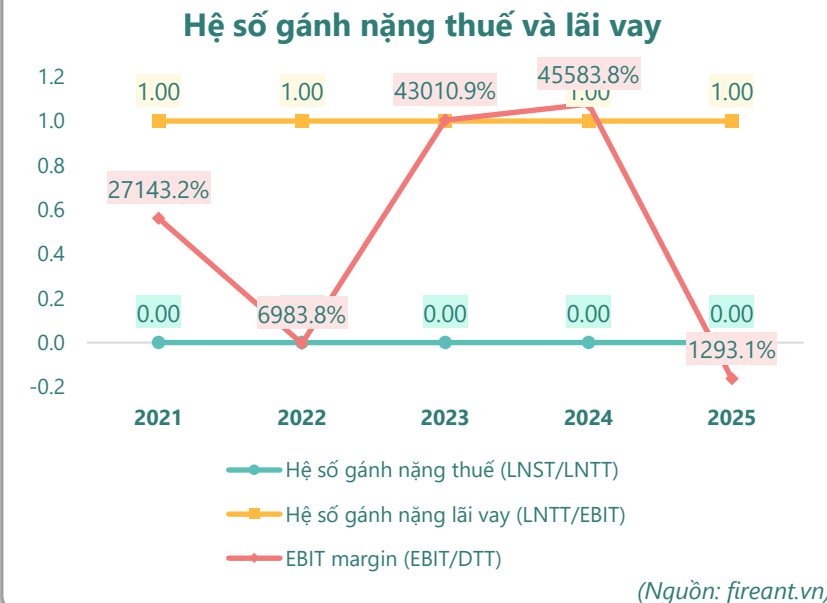
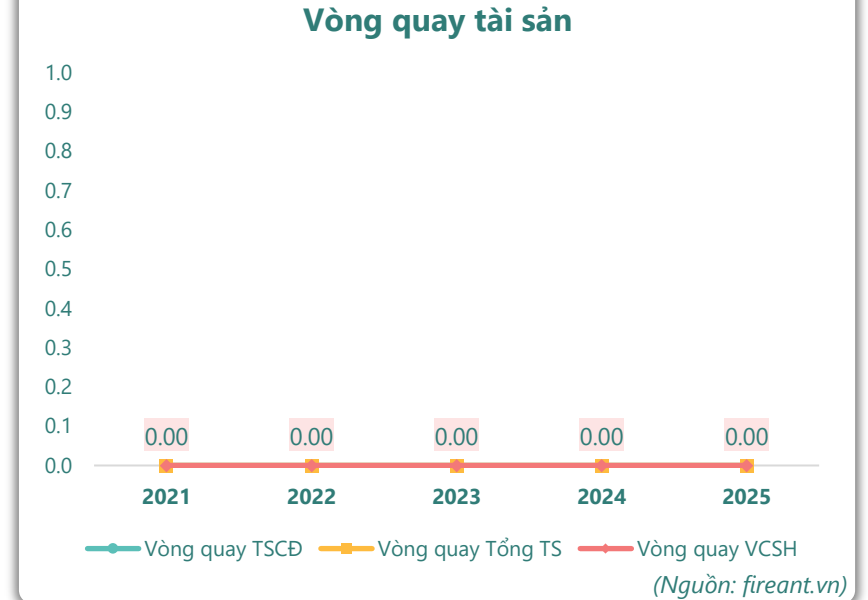
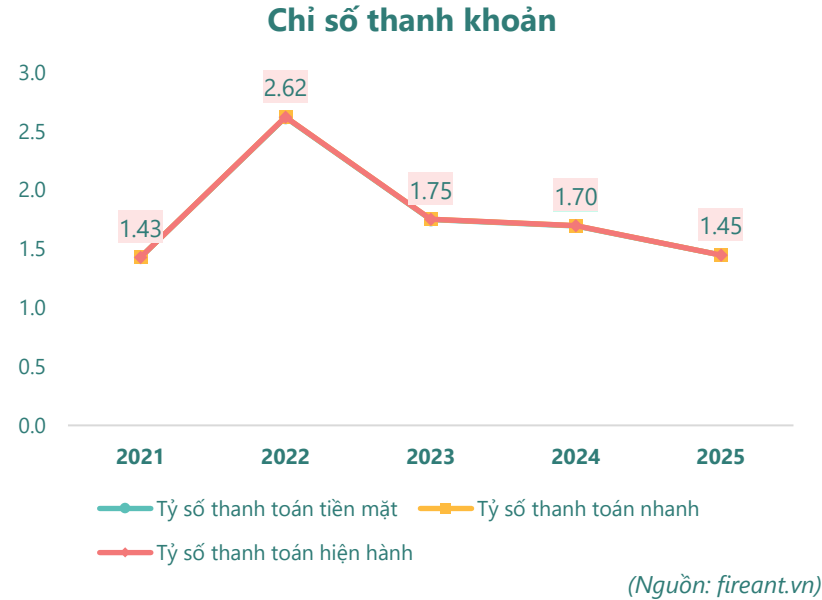
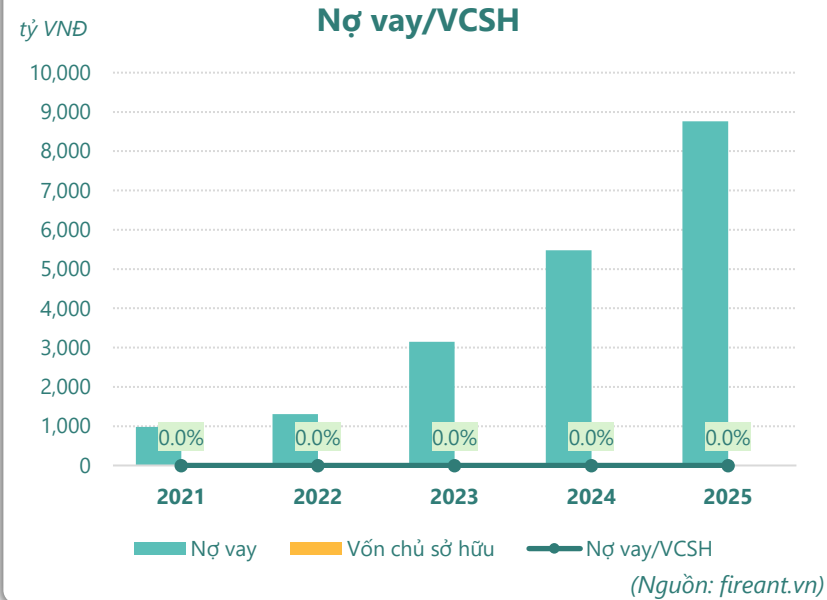
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	47.4	0.03	157735%	93.2	2.52	3603%
Giá vốn hàng bán	-64.9	47.9	-236%	-107	151	-171%
Lợi nhuận gộp	102	49.2	108%	171	92.5	85.1%
Doanh thu HĐTC	0	0.00		0	0	
Chi phí TC	213	162	31.3%	754	589	27.9%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	47.8	41.0	16.6%	216	250	-13.9%
Chi phí QLDN	0.56	0.00		0.56	0	
LN thuần từ HĐKD	17.2	15.1	14.0%	58.5	49.7	17.7%
Lợi nhuận khác	0.41	0.04	930%	0.58	0.28	111%
LN trước thuế	370	319	16.0%	1,206	1,148	5.1%
Lợi nhuận sau thuế	0.00	0.00		0.00	0.00	81.5%
LNST của CĐ cty mẹ	0	0.00		0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-503	-1,035	-362	-245	-1,958	1,689
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.49	-2.34	-4.98	-0.10	-0.26	-0.32
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	231	1,133	612	712	1,235	671
Tiền đầu kỳ	742	470	566	810	1,277	554
Lưu chuyển tiền thuần	-272	95.5	244	467	-723	2,360
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	470	566	810	1,277	554	2,914

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	0	0	
Tài sản ngắn hạn	13,751	9,580	43.5%
Tiền và tương đương tiền	13,746	9,575	43.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,350	410	229%
Phải thu ngắn hạn	0	0	
Hàng tồn kho	0	0.00	-100%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	2.40	3.14	-23.8%
Phải thu dài hạn	0.01	0.08	-89.1%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	44.9	44.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.92	1.22	-24.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	9,500	5,642	68.4%
Nợ ngắn hạn	9,500	5,642	68.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	8,758	5,476	59.9%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn chủ sở hữu	0	0	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

